

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5917/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 6713/TTr-
SVHTT ngày 18 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ
thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể
thao.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính nội bộ được đăng tải trên
Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ
<https://hochiminhcity.gov.vn/> (Thủ tục hành chính nội bộ).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5917/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III.	Viên chức	Sở Văn hóa và Thể thao
2.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng II.	Viên chức	Sở Văn hóa và Thể thao

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III.

* **Trình tự thực hiện:** chưa quy định

* **Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

* **Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

* **Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV

* **Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

* **Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

* **Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*). Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề (*được quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian

công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

(Khoản 1 Điều 32 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo văn bản hợp nhất số 01 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ).

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

2. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng II.

* **Trình tự thực hiện:** chưa quy định

* **Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

* **Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

* **Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III

* **Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

* **Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng hướng dẫn viên văn hóa hạng II:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng III, mã số V.10.07.23.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng II, mã số V.10.07.22 quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 7 Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức

và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.